

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/DS-PT
Ngày 06 tháng 01 năm 2026
V/v: “Tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 539/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1999/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2025/QĐH-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2119/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2025/QĐH-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3876/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Phú H; cư trú tại: Nhà không số, đường N, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là nhà không số, đường N, ấp N, xã P, tỉnh Tây Ninh) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lưu Trường L; cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Trường L: Công ty L4; Có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Phước H1, theo Giấy ủy quyền số 03446/quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2023 (có mặt);

Công ty L4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mai C, theo giấy ủy quyền số 01/2023/GUQL.HĐ ngày 08/5/2023 (có mặt).

2. Bà Võ Thị H2; cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

3. Bà Lưu Ngọc H3 (vắng mặt) và ông Lê Hoàng N (vắng mặt); cùng cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Ngọc H3, ông Lê Hoàng N: Công ty L4; Có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Phước H1, theo Giấy ủy quyền số 03446/quyền số 5/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2023 (có mặt);

Công ty L4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mai C, theo giấy ủy quyền số 01/2023/GUQL.HĐ ngày 08/5/2023 (có mặt).

4. Bà Văn L1 (chết ngày 29/12/2023) và ông Trương T (chết ngày 27/10/2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Văn L1, ông Trương T:

4.1. Bà Trương Thị Bích V; cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Bích V: Công ty L4; Có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Phước H1, theo Giấy ủy quyền số 04234 ngày 14/6/2024 lập tại Văn phòng C4 (có mặt);

Công ty L4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mai C, theo giấy ủy quyền lại số 04.2024/GUQL.HĐ ngày 12/7/2024 (có mặt).

4.2. Ông Trương Quốc H4 (chết ngày 27/10/2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Quốc H4: Bà Trần Thị Thanh T1, ông Trương Quốc H5 và ông Trương Quốc Đ (tất cả vắng mặt).

4.3. Ông Trương Quốc T2, sinh năm 1961; cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trương Mộng L2; cư trú tại: I S Street C CA 92324 USA; địa chỉ liên lạc ủy thác: 2293 Riverwood ST. C, CA 92324, USA (vắng mặt).

3. Ông Trương Phú H6; Cư trú tại: S - D.2010 S - N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H6: Ông Trương Phú H (có mặt); theo Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2008 của Đ2 tại Thụy Điển xác nhận.

4. Ông Trương Văn M (T); cư trú tại: G, 0455 O (N) (vắng mặt).

5. Bà Trương Thị Bích V; cư trú tại: Số B (Hiện nay là số B) M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B (nay là số B) M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Công ty L4; Có người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Phước H1, theo Giấy ủy quyền số 04234 ngày 14/6/2024 lập tại Văn phòng C4 (có mặt);

Công ty L4 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mai C, theo giấy ủy quyền lại số 04.2024/GUQL.HĐ ngày 12/7/2024 (có mặt).

6. Ông Trương Quốc T2, bà Trần Thị Thanh T1, ông Trương Quốc H5, ông Trương Quốc Đ, bà Quách Thị T3, ông Trương Tuấn K (tất cả vắng mặt); Cùng cư trú tại: B (Hiện nay là số B) M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B (Hiện nay là số 213) M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Các ông/bà Lê Hoàng Bảo N1, Lê Thị Huỳnh N2, Lê Hoàng Bảo B, Lê Hoàng Bảo A (tất cả vắng mặt); Cùng cư trú tại: Số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

8. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị P:* Ông Trương Phú H (có mặt), ông Trương Mộng L2 (vắng mặt), ông Trương Phú H6 (vắng mặt), ông Trương Văn M (vắng mặt).

9. Ông Trương Văn T4; cư trú tại: L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Lung C1, xã Đ, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Bích V1; cư trú tại: D G street, P, PA 19120 U.S.A (vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Anh H7; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau); địa chỉ liên hệ: A, đường K, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A, đường K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông H7: Ông Trương Phú H; theo Giấy ủy quyền số công chứng 19961 ngày 18/5/2021 (có mặt).

12. Bà Takanô P1; cư trú tại: 3 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Tổ A, khu phố T, thị trấn C, tỉnh Long An (nay là Tổ A, khu phố T, xã C, tỉnh Tây Ninh) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Takanô P1: Ông Trương Phú H, theo

Giấy ủy quyền số công chứng 19949 ngày 18/5/2021 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Phú H là nguyên đơn và ông Trương Văn T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2006 ông Trương Phú H trình bày:

Cha ông là ông Trương Văn T5 (sinh năm 1907, chết ngày 25/9/1975) đã chung sống với các bà vợ và lập các tài sản sau:

Ông Trương Văn T5 có vợ là bà Hạng Thị Đ1 (sinh năm 1907, chết năm 1990). Không có con; có các tài sản sau: Nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương Văn T5 có vợ là bà Huỳnh Thị C2 (chết) có 02 con chung là: Trương Văn T6 (sinh năm 1930, chết năm 1995) và Trương Văn H8 (chết ngày 04/10/2000). Không có tài sản chung.

Ông Trương Văn T5 có vợ là bà Lưu Thị L3 (chết) có 02 con chung là: Lưu Trương L, Lưu Ngọc H3.

Ông Trương Văn T5 có vợ là một bà người hoa có con gái là Văn L1.

Ông Trương Văn T5 có vợ là bà Trương Thị P, có 3 con chung là Trương Phú H, Trương Mộng L2, Trương Phú H6; có tài sản chung là nhà 42 T, Đ, Lâm Đồng (hiện Nhà nước quản lý) và nhà số I N, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (hiện Nhà nước quản lý). Từ năm 1971, ông Trương Văn T5 và bà Trương Thị P (mẹ ông H) ly hôn. Ông Trương Phú H theo mẹ về quê sinh sống ở Bạc Liêu. Đến năm 1993, ông Trương Phú H biết tin ông Trương Văn T5 chết.

Đơn khởi kiện ngày 24/10/2006, ông Trương Phú H có yêu cầu chia thừa kế tài sản chung là nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Xin được hưởng bằng diện tích đất ở.

Bà Trương Thị P, chết ngày 12/02/2018 có các con tên: Trương Văn T4, Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Anh H7, T, Trương Phú H, Trương Mộng L2, Trương Phú H6, Trương Văn M.

Tại các đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/10/2015, ngày 11/7/2016, ngày 12/7/2016, ngày 08/7/2020, ngày 31/5/2021, ngày 03/8/2023, ông Trương Phú H yêu cầu trích từ phần tài sản thừa kế 03 căn nhà tại số B, B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh:

Trả cho ông Trương Phú H số tiền mà ông Trương Văn T5 có nghĩa vụ nuôi ba con chung với bà Trương Thị P; Số tiền mà ông Trương Văn T5 hứa tặng cho bà Trương Thị P; Số tiền mà ông Trương Văn T5 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị P; Được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Hạng Thị Đ1.

Hủy các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận F cấp cho nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bản tự khai ngày 05/6/2007, bị đơn ông Lưu Trương L, trình bày:

Nguyên trước đây căn nhà số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà Hạng Thị Đ1, theo Bản trích lục sổ Điền thổ ngày 11/12/1967 do Tổng nha điền địa cấp.

Năm 1975, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, bà Hạng Thị Đ1 chấp hành quyết định cải tạo tư sản, thương nghiệp: Đã có đơn giao nhà đất cho thuê để Nhà nước trực tiếp quản lý theo Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 15/5/1978 của Ủy ban nhân dân Quận F: Gồm 32 căn nhà và 01 kho, trong đó có 03 căn nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên sau 5 năm, xét nhu cầu về nhà ở của bà Đ1, Nhà nước đã trả lại cho bà Hạng Thị Đ1: 03 căn nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 198/QĐ-UB ngày 21/5/1983 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Sau khi được Nhà nước ra quyết định trả lại 03 căn nhà số B, B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; do tuổi đã già, sức khỏe yếu cho nên bà Hạng Thị Đ1 đã ủy quyền chuyển dịch nhà cửa căn nhà số B M, Phường F, Quận F cho vợ chồng ông Lưu Trương L, theo Giấy phép ủy quyền chuyển dịch nhà cửa số 141/GP/UB ngày 06/4/1988 của Ủy ban nhân dân Quận F.

Ngày 06/4/1988, vợ chồng ông Lưu Trương L đã làm thủ tục tờ khai chuyển dịch tài sản, nộp lệ phí trước bạ ngày 28/4/1988, quyển số 534 tại Phòng thu lệ phí trước bạ.

Theo đó, vợ chồng ông Lưu Trương L được Ủy ban nhân dân Quận F cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1367/2004 ngày 19/3/2004 đối với căn nhà số B M, Phường F, Quận F.

Bởi những lẽ trên, ông Lưu Trương L không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Trương Phú H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Theo bản tự khai ngày 05/6/2007 và bản tự khai ngày 25/12/2007 bị đơn bà Văn L1, trình bày:

Bà Văn L1 không biết ông Trương Phú H là ai. Khi bà Văn L1 nhận được giấy mời của Tòa án thì bà Văn L1 mới biết mặt. Bà Văn L1 chỉ nghe mẹ bà là bà Hạng Thị Đ1 nói lại là ba của bà đem bà về hồi 3 tuổi. Ngoài ra bà không biết gì. Hiểu theo giấy tờ thì bà mới nghe nói má là Văn Tô C3. Ngoài ra, bà không biết gì hết. Bà biết em ruột bà là Lưu Trương L, cùng với Lưu Ngọc H3 ở nhà kế bên. Mẹ bà bảo là anh em cùng cha khác mẹ. Mẹ bà là Hạng Thị Đ1 đã mất vào năm 1990. Bà chỉ nghe mẹ bà nói mẹ ruột bà là Văn Tô C3 với mẹ Lưu Thị L3 là vợ kế của ba là Trương Văn T5. Bà không biết tài sản của ba bà với những người vợ khác. Ngoài 3 căn nhà đang bị tranh chấp, bà không biết gì. Sau khi mẹ bà cho bà thì nhà đã hư hết, tự bà phải bỏ tiền ra sửa chữa tất cả là 5 lần.

Căn nhà số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số B M) là tài sản của bà Hạng Thị Đ1, theo Bản trích lục Sổ Điền thổ ngày 11/12/1967 do Tổng nha điền địa. Năm 1975, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, bà Hạng Thị Đ1 chấp hành quyết định cải tạo tư sản, thương nghiệp: Đã có đơn giao nhà đất cho thuê để Nhà nước trực tiếp quản lý theo Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 15/5/1978 của Ủy ban nhân dân Quận F: Gồm 32 căn nhà và 01 kho, trong đó có 03 căn nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên sau 5 năm, xét nhu cầu về nhà ở của bà Đ1, Nhà nước đã trả lại cho bà Hạng Thị Đ1: 03 căn nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 198/QĐ-UB ngày 21/5/1983 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Sau khi được Nhà nước ra quyết định trả lại 03 căn nhà số B, B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Hạng Thị Đ1 đã ủy quyền chuyển dịch căn nhà số B M, Phường F, Quận F cho vợ chồng Văn L1, theo Giấy phép ủy quyền chuyển dịch nhà cửa số 161/GP/UB ngày 26/4/1988 và vợ chồng bà Văn L1 đã làm tờ khai chuyển dịch tài sản, nộp lệ phí trước bạ. Theo đó, vợ chồng bà Văn L1 được Ủy ban nhân dân Quận F cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số H00122/2004 ngày 31/12/2004 đối với căn nhà số B M, Phường F, Quận F. Bởi những lẽ trên, bà Văn L1 không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông Trương Phú H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo bản tự khai ngày 05/6/2007, bị đơn ông Lê Hoàng N, trình bày:

Nguyên trước đây căn nhà số B M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà Hạng Thị Đ1, theo Bản trích lục Sổ Điền thổ ngày 11/12/1967 do Tổng nha điền địa cấp.

Năm 1975, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, bà Hạng Thị Đ1 chấp hành quyết định cải tạo tư sản thương nghiệp đã có đơn giao nhà đất cho thuê để Nhà nước trực tiếp quản lý theo Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 15/5/1978 của Ủy ban nhân dân Quận F: Gồm 32 căn nhà và 01 kho, trong đó có 03 căn nhà số B, 213B, 213B/Bis thuộc bằng khoán điền thổ kể trên.

Tuy nhiên sau năm năm, xét nhu cầu về nhà ở của bà Đ1. Nhà nước đã trả lại cho bà Hạng Thị Đ1: 03 căn nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 198/QĐ-UB ngày 21/5/1983 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Sau khi được Nhà nước ra quyết định trả lại 03 căn nhà số B, B, B đường M, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; do tuổi đã già, sức khỏe yếu nên bà Hạng Thị Đ1 đã ủy quyền chuyển dịch nhà cửa căn nhà số B M, Phường F, Quận F cho vợ chồng ông Lê Hoàng N, theo Giấy phép ủy quyền chuyển dịch nhà cửa số 162/GP/UB ngày 26/4/1988 của Ủy ban nhân dân Quận F. Vợ chồng ông Lê Hoàng N đã làm thủ tục tờ khai chuyển dịch tài sản, nộp lệ phí trước bạ ngày 19/5/1988 tại Phòng thu lệ phí trước bạ.

Sau đó, vợ chồng ông Lê Hoàng N được Ủy ban nhân dân Quận F cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1043/2002 ngày 18/12/2002 đối với căn nhà số B M, Phường F, Quận F.

Bởi những lẽ trên, ông Lê Hoàng N không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Trương Phú H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hoàng Bảo N1 và bà Lê Thị Huỳnh N2 có ý kiến: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại B M, Phường F, Quận F theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 150/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận F cấp ngày 09/01/2009 được ông Lê Hoàng N, bà Lưu Ngọc H3 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Hoàng Bảo N1 và bà Lê Thị Huỳnh N2 vào ngày 22/02/2023. Theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C5 chứng nhận số 000795, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/3/2023 đã được Chi nhánh văn phòng Đ3 cập nhật sang tên, ông Lê Hoàng Bảo N1 và bà Lê Thị Huỳnh N2 đã thanh toán đủ tiền cho bên chuyển nhượng và đã quản lý, sử dụng ổn định nhà đất nêu trên kể từ ngày 22/02/2023 cho đến nay. Do đó, việc ông Trương Phú H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận nhà số B, Ông Lê Hoàng Bảo N1 và bà Lê Thị Huỳnh Như K1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản tự khai của ông Huỳnh Phước H1 (đại diện bà Trương Thị Bích V), bà Trần Thị Thanh T1, ông Trương Quốc H5 và ông Trương Quốc Đ trình bày:

Bà Trương Thị Bích V, ông Trương Quốc T2, ông Trương Quốc H4 là con ruột của ông Trương T (sinh năm 1934 – chết năm 2022) và bà Văn L1 (sinh năm 1944 – chết năm 2023).

Bà Trần Thị Thanh T1, ông Trương Quốc H5 và ông Trương Quốc Đ là hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Quốc H4.

Từ trước tới nay, các đương sự sinh sống tại nhà 213B/Bis (nay là số B) M, Phường F, Quận F.

Nay được biết ông Trương Phú H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà 213B/Bis (nay là số B) M, Phường F, Quận F thì cả gia đình (là những thừa kế của ông Trương T và bà Văn L1) không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, ông Trương Văn T4 có ý kiến: Nguồn gốc tài sản của cha mẹ để lại thì ông không được rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Phú H thì ông không có ý kiến gì. Ông yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 539/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 và Quyết định bổ sung Bản án số 785/2024/QĐ-BSBA ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Phú H, về việc: Yêu cầu xác định nhà số B, B, B đường M, Phường F, Quận F là tài sản của ông Trương Văn T5 và bà Hạng Thị Đ1 chết, để lại chưa chia; Hưởng kỷ phần thừa kế của bà Hạng Thị Đ1 đối với căn nhà số B, B, B M, Quận F và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận F cấp cho nhà số B, 213B, B đường M, Phường F, Quận F.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Phú H, ông Trương Phú H6 (do ông Trương Phú H đại diện ủy quyền) xin hưởng kỷ phần thừa kế tài sản chung của ông Trương Văn T5 đối với căn nhà số B, B, B đường M, Phường F, Quận F.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Phú H, ông Trương Phú H6, ông Nguyễn Anh H7 và bà Takanô P1 (do ông Trương Phú H đại diện ủy quyền), về việc xin hưởng kỷ phần thừa kế của bà Trương Thị P: Số tiền trích từ tài sản 213A, 213B, B đường M, Phường F, Quận F của ông Trương Văn T5 để thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị P. (Cụ thể: số tiền mà ông Trương Văn T5 có nghĩa vụ nuôi ba con chung với bà Trương Thị P, số tiền mà ông Trương Văn T5 hứa tặng cho bà Trương Thị P, số tiền mà ông Trương Văn T5 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị P).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/8/2024, ông Trương Phú H là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm. Ngày 04/10/2024, ông Trương Văn T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4 (vắng mặt vì bệnh) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trương Phú H trình bày: Đề nghị Tòa hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vì các lý do sau đây: Tài sản, giá trị tài sản chưa có thẩm định giá; bỏ lọt chứng cứ bà P có làm đơn khởi kiện, không giải quyết yêu cầu của bà P. Căn nhà số B đã được Tòa án thụ lý vụ án mà Tòa lại cho rằng chưa thụ lý. Công văn 316 trả lời đất tranh chấp thuộc căn 219, Tòa án đã thụ lý không phải vụ án mới. Trong lúc giải quyết tranh chấp, bị đơn bán tài sản đang tranh chấp. Giấy nộp tiền án phí bà P nộp, tên bà P. Ngoài ra, nội dung giải quyết không đúng. Tài sản Nhà nước trả cho bà Đ1 nhưng nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng.

Ông H1 và bà Mai C trình bày: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định. T7 12 Tòa có nhận định, ông P ký đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xuất trình Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 5878/2016/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét đơn yêu cầu độc lập của bà Trương Thị P và yêu cầu nộp số tiền tạm ứng 200.000 đồng. Bà P đã nộp số tiền trên theo Biên lai số AA/2016/0031083 ngày 12/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của bà P. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4, Hội đồng xét xử nhận thấy:

(BL 1215) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 5878/2016/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2016 xem xét đơn yêu cầu độc lập của bà Trương Thị P và yêu cầu nộp số tiền tạm ứng 200.000 đồng.

Bà P đã nộp số tiền trên theo Biên lai số AA/2016/0031083 ngày 12/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (BL 3).

Như vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không giải quyết yêu cầu của bà P. Hồ sơ vụ án này được phân công cho nhiều Thẩm phán giải quyết. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Phú H và ông Trương Văn

T4 không phải chịu án phí .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998, về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2005/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 539/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Phú H và ông Trương Văn T4 không phải chịu án phí .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: HSPA (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương